

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/DS-ST
Ngày: 18/9/2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
thi công*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1: Ông Phạm Quốc Vượng

2: Bà Trương Thị Ngọc Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Cao Trọng Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng gia công*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **97/2024/QĐXX-ST ngày 24/08/2024**; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố Trung Lợi, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1982 (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 5, xã Đồng Nơ, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

Bà Bùi Thị Kiều D, sinh năm 1989 (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 5, xã Đồng Nơ, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/4/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/7/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc A trình bày:

Do có người giới thiệu và có nhu cầu thi công một số hạng mục khi hoàn thiện nhà bao gồm cầu thang gỗ, 01 khoang cửa gỗ và cA cửa gỗ, bếp gỗ nên bà A có thỏa bằng miệng với ông Nguyễn Văn K thi công các hạng mục nêu trên. Ngày 23/6/2023 ông K và bà A thỏa thuận bằng miệng thi công các hạng mục nêu trên vật liệu bằng gỗ Gõ Đỏ Nam Phi. Giá thi công cầu thang là 9.000.000 đồng /1 mét tới,

bếp là 11.000.000đồng/1mét tới, cửa phòng ngủ là 6.700.000đồng/1m2. Sau khi thoả thuận xong thì bà A đã chuyển cho ông K số tiền là 50.000.000 đồng, mục đích chuyển tiền là ứng trước để cho ông K mua gỗ. Quá trình thực hiện công việc, sau khi ứng tiền thì ông K đã làm cụ thể các hạng mục như sau: Con tiện cầu thang, bếp dưới, phần thô bếp dưới, 01 cA cửa ... Khi thực hiện công việc, ông K chụp ảnh gửi tiến độ qua ZALO cho bà A biết. Sau khi thi công các phần thô, thì ông K đã chuyển đến nhà cho bà A nhưng ông K đòi chuyển tổng tiền bằng 80% giá trị các hạng mục thi công nhưng bà A không đồng ý vì bà A cho rằng, ông K thi công xong thì bà A mới thanh toán hết tiền. Các bên xảy ra mâu thuẫn và tranh chấp.

Tại phiên tòa bà A yêu cầu ông K trả lại số tiền 50.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi suất, và yêu cầu chấm dứt hợp đồng đặt cọc giữa bà A và ông K bà A đề nghị Tòa án rút lại hai yêu cầu này.

- Tại biên bản đối chất ngày 24/7/2024 bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Thông qua giới thiệu, ông K và bà A thỏa thuận thi công các hạng mục bao gồm cầu thang gỗ, bếp gỗ, 01 khung gỗ và cA cửa gỗ Gỗ Đỡ Nam Phi. Việc thỏa thuận giữa hai bên bằng miệng không làm giấy tờ hay hợp đồng. Cụ thể thi công cầu thang là 9.000.000 đồng /1 mét tới, bếp là 11.000.000đồng/1mét tới, cửa phòng ngủ là 6.700.000đồng/1m2. Ông K nhận của bà A số tiền là 50.000.000 đồng để mua Gỗ để gia công. Sau khi nhận tiền thì ông K đã thực hiện theo thoả thuận, cụ thể đã làm phần thô xong hết tất cả các hạng mục thi công cho bà A. Sau khi đã thi công thì ông K đã chuyển phần thô đã gia công xuống nhà thì bà A phải thanh toán 80% tiền tương đương khối lượng cho ông K. Tuy nhiên bà A không thực hiện đúng như thỏa thuận nên ông K chở các sản phẩm về nhà ông K cất giữ và xảy ra tranh chấp.

Nay bà A yêu cầu ông K, bà D trả lại số tiền 50.000.000 đồng thì ông K không đồng ý.

- Tại văn bản trình bày ý kiến và xin giải quyết vắng mặt ngày 24/8/2028 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Kiều D trình bày:

Bà Bùi Thị Kiều D và ông Nguyễn Văn K là hai vợ chồng, việc ông K và bà A thỏa thuận nhận tiền như thế nào thì bà D không biết và ông K cũng không đưa tiền về cho bà D. Do đó, bà D không đồng ý cùng với ông K trả số tiền 50.000.000 đồng cho bà A. Do công việc bận nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt cho bà A.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành tố tụng về thu thập chứng cứ từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa đúng trình tự pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên còn vi phạm về thời gian giải quyết cần khắc phục.

Về nội dung:

Trên cơ sở trình bày của các đương sự, thì bà A đã chuyển cho ông K số tiền 50.000.000 đồng, mục đích là ứng trước tiền để mua gỗ thi công. Sau khi thi công phần thô thì các bên mâu thuẫn về phương thức thanh toán tiền nên dẫn đến tranh

chấp. Do các bên không có thỏa thuận khác, nên ông K phải có nghĩa vụ thi công xong các hạng mục như thỏa thuận thì mới được thanh toán tiền. Do đó, việc bà A yêu cầu ông K trả lại số tiền 50.000.000 đồng là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông K phải trả lại cho bà A số tiền 50.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà A về việc rút yêu cầu tính lãi suất và chấm dứt hợp đồng đặt cọc giữa bà A và ông K.

Về án phí, chi phí tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, xác định yêu cầu khởi kiện của bà A đối với ông K là Tranh chấp hợp đồng đặt cọc. Tại phiên tòa, hội đồng xét xử xác định việc bà A chuyển trước cho ông K số tiền 50.000.000 đồng mục đích là ứng trước cho ông K lấy tiền mua Gỗ thi công phần thô trước. Do đó, xác định đây là một phần trong thỏa thuận thi công giữa ông K và bà A. Do đó, Tòa án xác định thỏa thuận và việc chuyển tiền giữa bà A và ông K là: Tranh chấp hợp đồng thi công. Ông K có nơi cư trú tại xã Đồng Nợ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản thụ lý, giải quyết là đúng quy định.

Quá trình giải quyết, ngày ngày 03/4/2024 bà A khởi kiện và được tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo đơn, đến ngày 23/7/2024 bà A có đơn khởi kiện bổ sung và Tòa án đã tiến hành thụ lý bổ sung yêu cầu này của bà A. Tại phiên tòa, bà A xác định nội dung khởi kiện theo đơn ngày 23/7/2024.

Tại phiên Tòa vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình làm việc các đương sự khẳng định bà A và ông K có thỏa thuận bằng miệng về việc thi công các hạng mục bằng Gỗ bao gồm cửa gỗ, cầu thang và bếp gỗ. Ông K đã nhận từ bà A số tiền là 50.000.000 đồng. Đồng thời ông K đã thực hiện gia công phần thô và đã chuyển sản phẩm xuống nhà bà A nhưng do mâu thuẫn về phương thức thanh toán tiền nên các bên xảy ra tranh chấp. Đây là những tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông về việc đòi lại tiền, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Xét thỏa thuận thi công giữa bà A và ông K về việc thi công các hạng mục bao gồm cầu thang, cửa và bếp gỗ. Việc thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản và cũng không có tài liệu chứng minh cho việc thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện công việc ông K đã thực hiện xong phần thô gia công cửa cầu thang, bếp và cửa và đã vận chuyển đến nhà bà A tuy nhiên do mâu thuẫn phương thức thanh toán nên các bên xảy ra tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận chỉ thỏa thuận bằng miệng không ai cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, Tòa án xác định việc ông K mới chỉ bàn giao phần thô mà chưa thực hiện xong phần đã hoàn thiện và được sự xác nhận của bà A là vi phạm về việc giao sản phẩm nên bà A chưa có nghĩa vụ phải thanh toán toàn bộ số tiền theo thỏa thuận thi công giữa các bên. Do các bên có mâu thuẫn không thực hiện thi công thỏa thuận, ông K cũng đã chở các sản phẩm về nhà không còn thi công cho bà A nữa. Do Tòa án xác định số tiền 50.000.000 đồng bà A chuyển trước cho ông K là một phần thanh toán trong hợp đồng thi công nên ông K phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 50.000.000 đồng cho bà A.

Đối với yêu cầu của bà A, đề nghị bà Bùi Thị Kiều D phải có nghĩa vụ cùng với ông Nguyễn Văn K trả lại số tiền 50.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại thời điểm thỏa thuận giữa bà A và ông K không có mặt hay ý kiến của bà D về thỏa thuận thi công hay nhận tiền từ bà A, bà D cũng trình bày rõ ông K không đưa tiền sử dụng vào mục đích chung nên bà D không đồng ý cùng với ông K trả số tiền 50.000.000 đồng nên không có cơ sở buộc bà D có nghĩa vụ cùng với ông K trả tiền cho bà A.

Về lãi suất và yêu cầu chấm dứt hợp đồng đặt cọc, bà A đề nghị tòa án rút toàn bộ 02 yêu cầu này và đề nghị tòa án đình chỉ đối với 02 yêu cầu nêu trên. Xét thấy yêu cầu của bà A là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Đối với lời trình bày của ông K về việc đã gia công các sản phẩm với số tiền khoảng 150.000.000 đồng – 160.000.000 đồng. Ngày 24/7/2024 Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản đã có thông báo số 01/2024/TB – TA ngày 24/7/2024 về việc làm thủ tục yêu cầu phản tố. Tuy nhiên, hết thời hạn trong ông K không yêu làm yêu cầu phản tố trong vụ án này, nên có quyền yêu cầu trong vụ án khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của bà A được Tòa án chấp nhận nên ông K phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm số tiền là 2.500.000 đồng.

Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hớn Quản hoàn trả cho bà Lê Thị Ngọc A số tiền tạm ứng án phí là 1.466.000 đồng theo biên lai thu số 0005375 ngày 01/7/2024 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005414 ngày 27/7/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 93, 147, 227, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 351, 357, 388, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công*” của bà Lê Thị Ngọc A tuyên xử:

Buộc ông Nguyễn Văn K phải trả lại cho bà Lê Thị Ngọc A số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất và chấm dứt hợp đồng đặt cọc theo yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc A

[2] Về án phí: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 2.500.000 đồng án phí.

Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hớn Quản hoàn trả cho bà Lê Thị Ngọc A số tiền tạm ứng án phí là 1.466.000 đồng theo biên lai thu số 0005375 ngày 01/7/2024 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005414 ngày 27/7/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

[3]: Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

HỒ VĂN THANH